

Số: /QĐ-THPTNV

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước  
năm 2025 của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại  
(Điều chỉnh kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên)**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN THOẠI**

*Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 15/04/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Văn Thoại;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-SGDĐT ngày 29/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025;*

*Theo đề nghị của bộ phận Kế toán Trường THPT Nguyễn Văn Thoại.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

**Điều 3.** Ban Giám hiệu, Văn phòng, Viên chức người lao động thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Niêm yết công khai, website trường;
- Lưu :VT, VP<sub>KT</sub>.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đặng Hùng Thương**

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THPTNV ngày /9/2025  
của Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Văn Thoại)

Đvt: nghìn đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                   |
| 1          | Lệ phí                                             |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                         |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>-285.000</b>   |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>-285.000</b>   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |

|           |                                                         |                 |
|-----------|---------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      | <b>-285.000</b> |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | -274.000        |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | -11.000         |
|           | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73                  |                 |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                 |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                 |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                 |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                 |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                 |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                 |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                 |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                 |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                 |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                 |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                 |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                 |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                 |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                 |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                 |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                 |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                 |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                 |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                 |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                 |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                 |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                 |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                 |
| 1.1       | Dự án A                                                 |                 |
| 1.2       | Dự án B                                                 |                 |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                 |
| 2.1       | Dự án A                                                 |                 |
| 2.2       | Dự án B                                                 |                 |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                 |
| 3.1       | Dự án A                                                 |                 |
| 3.2       | Dự án B                                                 |                 |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                 |
| 4.1       | Dự án A                                                 |                 |
| 4.2       | Dự án B                                                 |                 |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                 |
| 5.1       | Dự án A                                                 |                 |
| 2.2       | Dự án B                                                 |                 |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                 |
| 6.1       | Dự án A                                                 |                 |
| 6.2       | Dự án B                                                 |                 |

|            |                                                         |  |
|------------|---------------------------------------------------------|--|
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |
| 8.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |
| 1.1        | Dự án A                                                 |  |
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |
| 2.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |
| 3.1        | Dự án A                                                 |  |
| 3.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| 4.1        | Dự án A                                                 |  |
| 4.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1        | Dự án A                                                 |  |
| 6.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |
| 8.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |